

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG KỸ THUẬT BIỂN**



*BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN  
Năm 2006*

**PORTCOAST**  
CONSULTANT  
CORPORATION



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)**  
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING JOINT STOCK COMPANY (AFC)  
Thành Viên Tập Đoàn Kiểm Toán BOD Toàn Cầu  
A Member Firm Of BDO Global Coordination



2006

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b>	4 - 5
<b>CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 9
Kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
Thuyết minh các báo cáo tài chính	13 - 24

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

## 1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, thay đổi lần 01 ngày 09 tháng 6 năm 2005 (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng), thay đổi lần 02 ngày 09 tháng 03 năm 2005 (vốn điều lệ 25,50 tỷ đồng)

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh phía Bắc của Công ty đặt tại nhà số 21 Tập thể Bệnh Viện Nội Tiết, đường Láng Hạ - Thanh Xuân kéo dài, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Thủ đô Hà Nội.

### CÔNG TY ĐƯỢC THÀNH LẬP ĐỂ HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LÃNH VỰC SAU :

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng – kỹ thuật biển , công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng – kỹ thuật biển , công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực hiện các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng , đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

## 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO NÀY BAO GỒM :

Ông	Trần Tấn Phúc	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch
Ông	Dương Mạnh Trung	Ủy viên
Ông	Trần Vinh Quang	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Ủy viên

### THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM VÀ CHO ĐẾN THỜI ĐIỂM LẬP BÁO CÁO NÀY BAO GỒM:

Ông	Trần Tấn Phúc	Tổng Giám Đốc
Ông	Dương Mạnh Trung	Phó Tổng Giám Đốc
Ông	Nguyễn Mạnh Ứng	Phó Tổng Giám Đốc
Bà	Nguyễn Thị Tâm Trinh	Giám Đốc Tài Chính - Nhân Sự
Ông	Phạm Duy Đông	Giám Đốc Kỹ Thuật
Ông	Phạm Anh Tuấn	Giám Đốc Dự Án

### 3. VỐN GÓP

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần 01 ngày 09 tháng 6 năm 2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (vốn điều lệ 7,66 tỷ đồng) và thay đổi lần 2 vào ngày 09 tháng 03 năm 2006, vốn điều lệ của Công ty là 25,5 tỷ đồng và các cổ đông sáng lập gồm có:

Cổ đông sáng lập	Số cổ phần
<b>ĐẠI DIỆN VỐN NHÀ NƯỚC</b>	<b>23.001</b>
Ông Nguyễn Văn Lộc	
Ông Trần Tấn Phúc	
Ông Trần Thanh Hải	
Ông Huỳnh Minh Anh	
<b>ĐẠI DIỆN VỐN CỔ ĐÔNG</b>	<b>22.099</b>
Ông Dương Mạnh Trung	1.000
Ông Trần Vĩnh Quang	480
104 cổ đông khác	20.619
	<b>45.100</b>

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2006:

Cổ đông	31/12/2005		Tăng	Giảm	31/12/2006	
	Số tiền	Phần trăm			Số tiền	Phần trăm
Vốn nhà nước	2.300.100	30%	-	-	2.300.100	9%
CB CNV	4.063.400		13.004.800	-	17.068.200	
Cổ Đông Ngoài C. ty	1.296.500		4.835.200	-	6.131.700	
Cộng	5.359.900	70%	17.840.000	-	23.199.900	91%
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.660.000</b>	<b>100%</b>	<b>17.840.000</b>	<b>-</b>	<b>25.500.000</b>	<b>100%</b>

### 4. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Hội đồng quản trị khẳng định rằng, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2006) cho đến thời điểm lập báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### 5. KẾT QUẢ KINH DOANH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2006

Hội đồng quản trị nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Tài chính kế toán (AFCA).

Trong suốt thời kỳ kế toán này không có khoản mục hay sự kiện nào quan trọng có bản bất thường làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 6. CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty được lập ra đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau trong việc lập Báo cáo tài chính này:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng.
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân thủ theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đã được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống kế toán đã được đăng ký.

Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 7. KIỂM TOÁN

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Kế toán (AFCA) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006.

TP. Hồ Chí Minh, 03 Tháng 03 năm 2007



Trần Tấn Phúc



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN (AFC)**  
Thành viên tập đoàn Kiểm toán BDO Toàn cầu



Số : 122/BCKT - 2006

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2007

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi : Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển

Công ty Kiểm toán và Tư vấn Tài Chính Kế Toán (AFC) đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2006 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (dưới đây gọi tắt là Công ty). Các bản Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này do Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các bản Báo cáo tài chính nêu trên căn cứ và công việc kiểm toán mà chúng tôi đã thực hiện.

Chúng tôi tiến hành kiểm toán căn cứ vào chế độ kế toán mà Công ty áp dụng, và căn cứ vào các quy định về tài chính kế toán của Nhà nước Việt Nam.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các Báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở trắc nghiệm, chúng tôi đã xem xét một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong bản Báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán đã được sử dụng, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện; cũng như đánh giá việc trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi những vấn đề sau :

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty có các khoản nợ với Công ty Tư vấn Thiết kế giao thông vận tải phía nam (Tedi South) 7.335.961.670 là số tạm tính. Vì vậy, nếu có sự thay đổi nào về các khoản công nợ này thì có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của đơn vị.

Theo chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì giới hạn nêu trên trong phạm vi sổ sách kế toán do Công ty cung cấp, xét trên phương diện trọng yếu thì các bản Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006 như nêu trên đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2006, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được trình bày phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến đã nêu ở trên, chúng tôi chỉ muốn lưu ý vấn đề sau:

Như đã ghi nhận tại thuyết minh báo cáo tài chính số V -10 của Báo cáo tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% cho 03 năm tiếp theo kể từ năm 2005. Căn cứ theo hướng dẫn của Công văn 499TC/TCDN ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Bộ Tài Chính về việc quản lý hạch khoản thuế TNDN được miễn đối với các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn có thể được điều chỉnh tăng vốn điều lệ hoặc tăng Quỹ đầu tư phát triển.

Kiểm toán viên

**Đặng Thị Mỹ Vân**

Chứng chỉ KTV số 0173/KTV

TỔNG GIÁM ĐỐC



**Vũ Thị Thọ**

Chứng chỉ KTV số D0065/KTV

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ tương hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B.01 - DN

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2006	31/12/2005
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>37.142.019.632</b>	<b>23.199.497.656</b>
<b>I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>	<b>110</b>	V-1, VI-1	<b>5.278.476.602</b>	<b>1.513.772.189</b>
1. Tiền	111		5.278.476.602	1.513.772.189
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. CÁC KHOẢN PHẢI THU</b>	<b>130</b>		<b>2.610.651.533</b>	<b>6.223.992.502</b>
1. Phải thu khách hàng	131		283.309.874	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.894.452.599	3.051.555.593
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	VI - 2	432.889.060	3.172.436.909
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V - 2	-	-
<b>IV. HÀNG TỒN KHO</b>	<b>140</b>	V - 2	<b>19.524.590.819</b>	<b>9.168.431.724</b>
1. Hàng tồn kho	141	VI - 3	19.524.590.819	9.168.431.724
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>	<b>150</b>		<b>9.728.300.678</b>	<b>6.293.301.241</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		258.653.855	337.211.001
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		82.652.402	172.879.859
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI - 4	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		9.386.994.421	5.783.210.381

6

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Mẫu số B.01 - DN

Tất cả các số đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ tương hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	31/12/2006	31/12/2005
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>39.100.576.409</b>	<b>21.258.102.816</b>
<b>I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN</b>	<b>210</b>		<b>7.056.110.180</b>	<b>9.765.516.627</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		7.056.110.180	9.765.516.627
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>220</b>	V - 3	<b>27.882.167.241</b>	<b>6.485.380.400</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI - 4	10.215.289.536	6.344.139.428
- Nguyên giá	222		15.570.198.645	9.985.287.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.354.909.109)	(3.641.148.300)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		<b>4.427.577.705</b>	141.240.972
- Nguyên giá	228	VI - 5	4.639.291.287	277.277.324
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(211.713.582)	(136.036.352)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI - 6	13.239.300.000	-
<b>III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN</b>	<b>250</b>		<b>3.700.707.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		255.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI - 8	3.445.707.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC</b>	<b>260</b>		<b>461.591.988</b>	<b>5.007.205.789</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V-5, VI-8	461.591.988	5.007.205.789
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>76.242.596.041</b>	<b>44.457.600.472</b>

7

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B.01 - DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	31/12/2006	31/12/2005
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)</b>	<b>300</b>		<b>47.390.288.349</b>	<b>36.397.306.768</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>40.054.326.679</b>	<b>23.572.938.651</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI - 9	8.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		718.805.710	255.408.580
3. Người mua trả tiền trước	313		25.973.808.137	20.190.289.369
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI - 10	2.430.971.797	449.043.962
5. Phải trả người lao động	315		771.685.697	1.120.602.596
6. Chi phí phải trả	316	V-6, VI-11	589.429.082	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	VI - 12	1.569.626.256	1.557.594.144
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.335.961.670</b>	<b>12.824.368.117</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		7.335.961.670	12.824.368.117
4. Vay và nợ dài hạn	334	VI - 14	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>	VI - 13	<b>28.852.307.692</b>	<b>8.060.293.704</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V - 7	<b>28.472.307.692</b>	<b>8.060.293.704</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.500.000.000	7.660.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416		-	-
7. Quỹ dự phòng tài chính	417		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		160.000.000	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.812.307.692	400.293.704
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>380.000.000</b>	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		380.000.000	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>76.242.596.041</b>	<b>44.457.600.472</b>

8

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B.01 - DN

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	31/12/2005	31/12/2004
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công.			-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi.			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ các loại			-	-
USD			152.567,84	12.823,26
FRF			-	-
JPY			-	-
EUR			-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



NGÔ NGỌC THU NHAN

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TẤN PHÚC

9

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Mẫu số B.02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	2006	2005
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>V-8, VII-1</b>	<b>34.891.637.430</b>	<b>3.323.322.771</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII-2	624.249.883	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VII-3	34.267.387.547	3.323.322.771
4. Giá vốn hàng bán	11		18.736.352.633	1.845.580.290
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>15.531.034.914</b>	<b>1.477.742.481</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V-8.b, VII-4	70.639.514	25.896.586
7. Chi phí tài chính	22	V-9, VII-5	-	-
- Trong đó, chi phí lãi vay	23	V-4	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VII-6	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII-7	8.285.061.949	1.103.345.363
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))</b>	<b>30</b>		<b>7.316.612.479</b>	<b>400.293.704</b>
11. Thu nhập khác	31		8.098.800	-
12. Chi phí khác	32		123.442.191	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(115.343.391)</b>	<b>-</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7.201.269.088</b>	<b>400.293.704</b>
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	V-10, VII-8	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	V-10	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>7.201.269.088</b>	<b>400.293.704</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006

Trưởng phòng Tài chính - Kế toán



NGÔ NGỌC THU NHAN



TRẦN TẤN PHÚC

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN  
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2006	Năm 2005
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.201.269.088</b>	<b>400.293.704</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.903.089.549	-
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(28.205.689)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>9.076.152.948</b>	<b>400.293.704</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		281.137.386	(10.766.934.757)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(10.356.159.095)	(9.139.154.292)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể các khoản lãi phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		1.696.985.079	24.550.964.823
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.632.269.747	(3.224.115.654)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		250.244.511	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(115.343.391)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.465.287.185</b>	<b>1.821.053.824</b>
<b>II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(22.742.475.161)	(2.244.105.739)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8.098.800	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.700.707.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.205.689	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(26.406.877.672)</b>	<b>(2.244.105.739)</b>

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác.

Chỉ tiêu	Mã số	Ghi chú	Năm 2006	Năm 2005
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		20.354.500.000	635.500.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.000.000.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.648.205.100)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>24.706.294.900</b>	<b>635.500.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>3.764.704.413</b>	<b>212.448.085</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.513.772.189</b>	<b>1.301.324.104</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>5.278.476.602</b>	<b>1.513.772.189</b>

Trưởng phòng tài chính - Kế toán



NGÔ NGỌC THU NHAN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006



TRẦN TẤN PHÚC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam  
Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### I.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển là doanh nghiệp hoạt động độc lập theo luật Doanh nghiệp Việt nam, đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 ngày 23 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 1 vào ngày 09 tháng 06 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 09 tháng 03 năm 2006.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002981 được thay đổi lần 02 vào ngày 09 tháng 03 năm 2006 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư, vốn điều lệ của Công ty là 25,5 tỷ đồng.

### I.2. Lĩnh vực kinh doanh : Tư vấn

### I.3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty được thành lập để hoạt động trong các lĩnh vực sau :

- Khảo sát và tư vấn công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Khảo sát mạng lưới giao thông vận tải thủy.
- Khảo sát và tư vấn các hạng mục hạ tầng cơ sở liên quan đến các công trình cảng - kỹ thuật biển, công trình thủy công trong xưởng đóng tàu.
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm định các công trình chuyên ngành.
- Xây dựng thực nghiệm các công trình giao thông vận tải.
- Thiết kế các công trình giao thông (cảng, đường thủy).
- Thiết kế các công trình thủy.
- Thiết kế các công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh dưới, công trình bảo vệ bờ sông).
- Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị.
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### II.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### II.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đồng Việt Nam (VND)

## III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### III.1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Việt Nam

### III.2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các báo cáo Tài chính của công ty được lập theo chế độ kế toán Việt Nam và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Vì vậy, việc sử dụng Báo cáo tài chính này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam.

### III.3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm.

#### IV. SỐ DƯ ĐẦU KỲ

Một số tài khoản trong Báo cáo tài chính của năm 2005 được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày trong năm 2006 theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài Chính và phù hợp với tính chất của tài khoản.

#### V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### V.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền tương đương tiền  
Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba (03) tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó, tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán  
Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Các Khoản mục có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào hoạt động kinh doanh trong kỳ.

##### V.2. Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

- Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:  
30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm;  
50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;  
70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì Công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

##### V.3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

###### V.3a Nguyên tắc ghi nhận

- TSCĐ được xác định theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá, các khoản thuế không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Khi TSCĐ được nhượng bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

###### V.3b Phương pháp khấu hao

- TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
- Thời gian khấu hao áp dụng theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình	Thời gian
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	- năm
TSCĐ vô hình	Thời gian
Quyền sử dụng đất	vô thời hạn
Phần mềm máy vi tính	3 - 6 năm

##### V.4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản đi vay

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay  
Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá.  
Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

##### V.5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- V.5a Chi phí trả trước  
Chi phí trả trước được xác định theo giá trị ban đầu trừ đi (-) giá trị phân bổ lũy kế.
- V.5b Phương pháp phân bổ chi phí trả trước  
Việc phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí.

Chi phí	Thời gian
Chi phí thuê mặt bằng, nhà văn phòng, đất	2 - 10 năm
Chi phí sửa chữa	2 năm
Quảng cáo	2 năm

##### V.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

##### V.7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

###### V.7a Nguyên tắc đầu tư của vốn chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Là khoản tiền hoặc tài sản do các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành.
- Thặng dư vốn cổ phần  
Là phần chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác của chủ sở hữu  
Là vốn bổ sung từ lợi nhuận sau thuế hoặc được tặng, biếu, viện trợ, nhưng chưa tính cho từng cổ đông.

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chỉ bằng đơn vị tiền tệ khác. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm.

#### V. 7b Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của hoạt động đầu tư XDCB trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập khi chưa hoàn thành quá trình đầu tư.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính của hoạt động kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư XDCB (doanh nghiệp SXKD có cả hoạt động đầu tư XDCB).

#### V. 7c Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối thể hiện kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

### V. 8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

#### V. 8a Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán. Doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ và được khách hàng xác nhận.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### V. 8b Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

### V. 9. Nguyên tắc ghi nhận phí tài chính

Bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán hết hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

### V. 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 28%

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Căn cứ QĐ số 3203/QĐ-BGTVT ngày 27 tháng 10 năm 2004 về việc chuyển Công ty thành công ty cổ phần, căn cứ điểm 2.a điều 33 và điểm 2 điều 36 tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 quy định chi tiết về thi hành luật thuế TNDN, công ty sẽ được miễn thuế trong hai năm 2005, 2006 và giảm 50% cho 3 năm tiếp theo (2007, 2008, 2009).

Căn cứ vào biên bản quyết toán thuế số 560/CT/DN/NN1 ngày 02/10/2006, thuế TNDN năm 2005 Công ty được miễn là 112.082.237 VND

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Các tờ khai thuế của Công ty vẫn còn tùy thuộc kết quả kiểm tra của các Cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật lệ, quy định về thuế đối với nhiều loại hình giao dịch còn tùy thuộc vào các hướng dẫn khác nhau nên số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được điều chỉnh căn cứ kết quả quyết toán của Cơ quan thuế.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2006	31/12/2005
<b>VI. 1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	1.282.035.594	418.217.495
- Tiền gửi ngân hàng	3.996.441.008	1.095.550.694
- Tiền đang chuyển	-	-
	<b>5.278.476.602</b>	<b>1.513.772.189</b>
<b>VI. 2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn	182.976.571	-
- Thù lao hội đồng quản trị	-	229.000.000
- Tiền mua cổ phần của nhân viên	-	2.810.300.000
- Phải thu khác	249.912.489	133.136.909
	<b>432.889.060</b>	<b>3.172.436.909</b>
<b>VI. 3. Hàng tồn kho</b>		
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.524.590.819	9.168.431.724
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	-	-
	<b>19.524.590.819</b>	<b>9.168.431.724</b>
<b>VI. 6. Phải thu dài hạn</b>		
- Phải thu dài hạn của khách hàng	7.056.110.180 (*)	9.765.516.627
- Phải thu dài hạn khác	-	-
	<b>7.056.110.180</b>	<b>9.765.516.627</b>

(\*) Theo "Hồ sơ xác nhận giá trị sản lượng đã thực hiện đến ngày 31 tháng 12 năm 2004 của các hợp đồng kinh tế từ ngày 31 tháng 12 năm 2004 trở về trước" được ký giữa Công ty và Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Phía Nam (Tedi South), đây là số chênh lệch giữa giá trị thực hiện hoàn thành của Công ty và tổng Giá trị đã được Tedi South tạm ứng đến ngày 31 tháng 12 năm 2004.

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm.

### VI. 4. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
31/12/2005		7.908.954.053	2.076.333.675			9.985.287.728
Mua trong năm		4.964.408.596	790.826.903			5.755.235.499
XDCB hoàn thành		-	-			-
Tăng khác		-	-			-
Chuyển sang BĐS		-	-			-
Thanh lý, Bán		(121.750.310)	-			(121.750.310)
Giảm khác		(48.574.272)	-			(48.574.272)
<b>31/12/2006</b>		<b>12.701.038.067</b>	<b>2.867.160.578</b>			<b>15.570.198.645</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
31/12/2005		3.033.834.749	607.313.551			3.641.148.300
Khấu hao		1.475.254.311	352.158.008			1.827.412.319
Tăng khác		-	-			-
Chuyển sang BĐS		-	-			-
Thanh lý, Bán		(113.651.510)	-			(113.651.510)
Giảm khác		-	-			-
<b>31/12/2006</b>		<b>4.395.437.550</b>	<b>959.471.559</b>			<b>5.354.909.109</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
31/12/2005		4.875.119.304	1.469.020.124			6.344.139.428
<b>31/12/2006</b>		<b>8.307.600.517</b>	<b>1.907.689.019</b>			<b>10.215.289.536</b>

### VI. 5. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
31/12/2005				277.277.324		277.277.324
Mua trong năm	2.476.200.000 (*)			1.885.813.963		4.362.013.963
XDCB hoàn thành				-		-
Tăng khác				-		-
Chuyển sang BĐS				-		-
Thanh lý, Bán				-		-
Giảm khác				-		-
<b>31/12/2006</b>	<b>2.476.200.000</b>			<b>2.163.091.287</b>		<b>4.639.291.287</b>

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hoá	Quyền phát hành	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
31/12/2005				136.036.352		136.036.352
Khấu hao				75.677.230		75.677.230
Tăng khác				-		-
Chuyển sang BĐS				-		-
Thanh lý, Bán				-		-
Giảm khác				-		-
<b>31/12/2006</b>				<b>211.713.582</b>		<b>211.713.582</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình</b>						
31/12/2005				141.240.972		141.240.972
<b>31/12/2006</b>	<b>2.476.200.000</b>			<b>1.951.377.705</b>		<b>4.427.577.705</b>

### VI. 6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<b>- Công trình xây dựng cơ bản</b>	<b>13.239.300.000</b>	-
Căn nhà số 328 đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, TP HCM	13.239.300.000 (*)	-
	<b>13.239.300.000</b>	-

(\*) Căn cứ Hợp đồng mua bán nhà ở số 012282/ HD-MBN ngày 04 tháng 04 năm 2006, Công ty đã mua căn nhà số 328 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh với giá mua toàn bộ là 15.000.000.000 VND. Công ty đã thực hiện nộp lệ phí trước bạ và lệ phí công chứng cho việc mua bán và chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ nêu trên.

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho chi nhánh Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kỹ Đồng nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Oem chi tiết tại Thuyết minh số VI-9)

### VI. 8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2006	31/12/2005
- Đầu tư vào Công ty con	255.000.000 (**)	-
- Đầu tư dài hạn khác - Cổ phiếu	3.445.707.000	-
	<b>3.700.707.000</b>	-

(\*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Tín học X. Com với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ.

(\*\*) Đây là khoản mua cổ phiếu Công ty tư vấn xây dựng Cảng - Đường thủy với 181.353 cổ phiếu với giá mua là 19.000 VND/CP, tương đương 21, 1% tổng số cổ phần phát hành lần đầu.

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm.

Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2005	Tăng	Phân bổ	31/12/2006
<b>- Chi phí sửa chữa</b>	150.006.780	211.613.410	(138.931.692)	222.688.498
Chi nhánh Hồ Chí Minh	150.006.780	211.613.410	(138.931.692)	222.688.498
Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-
<b>- Chi phí thuê văn phòng</b>	128.688.000	-	(73.536.000)	55.152.000
Chi nhánh Hồ Chí Minh	128.688.000	-	(73.536.000)	55.152.000
Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-
<b>- Lợi thế thương mại</b>	242.637.120	-	(82.962.880)	159.674.240
Chi nhánh Hồ Chí Minh	242.637.120	-	(82.962.880)	159.674.240
Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-
<b>- Chi phí QLDN</b>	4.485.873.889	-	(4.485.837.889)	-
Chi nhánh Hồ Chí Minh	4.374.466.492	-	(4.374.466.492)	-
Chi nhánh Hà Nội	111.407.397	-	(111.407.397)	-
<b>- Chi phí sửa máy Topcon</b>	-	36.115.909	(12.038.659)	24.077.250
Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	36.115.909	(12.038.659)	24.077.250
Chi nhánh Hà Nội	-	-	-	-
	<b>5.007.205.789</b>	<b>247.729.319</b>	<b>(4.793.343.120)</b>	<b>461.591.988</b>

### VI. 9. Vay và nợ ngắn hạn

- Vay ngắn hạn
- Nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2006	31/12/2005
- Vay ngắn hạn	8.000.000.000 (*)	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
	<b>8.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng số : 0208/TDB/06/LD ngày 12/06/2006  
 Hạn mức vay : 10.000.000.000 VND  
 Thời hạn vay : 12 tháng từ ngày rút vốn 14/06/2006  
 Lãi suất trong hạn : 0,87% tháng  
 Lãi quá hạn : 1,305% tháng  
 Đảm bảo tiền vay : Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0076/NHNT-KD/06 ngày 12/06/2006 tại số 328 Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 2, Quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Theo biên bản định giá tài sản tổng giá trị tài sản thế chấp 14.600.000.000 VND

### VI. 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2006	31/12/2005
- Thuế Giá trị gia tăng	1.413.160.787	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.008.421.010	443.243.962
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	9.390.000	5.800.000
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	<b>2.430.971.797</b>	<b>449.043.962</b>

### VI. 11. Chi phí phải trả

	31/12/2006	31/12/2005
- Chi phí phải trả thầu phụ	589.429.082	-
- Chi phí khác	-	-
	<b>589.429.082</b>	<b>-</b>

### VI. 12. Các khoản phải trả

	31/12/2006	31/12/2005
- Kinh phí công đoàn	-	54.338.712
- Bảo hiểm xã hội	805.082.482	640.792.034
- Bảo hiểm y tế	131.363.774	262.463.398
- Phải trả, phải nộp khác	633.180.000	600.000.000
	<b>1.569.626.256</b>	<b>1.557.594.144</b>

### VI. 13. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2006	31/12/2005
- Giá trị hoàn thành ngày 31/12/2004	7.056.110.180 (*)	9.765.516.627
- Khác	279.851.490	3.058.851.490
	<b>7.335.961.670</b>	<b>12.824.368.117</b>

(\*) Tương tự như các khoản phải thu dài hạn khác, đây cũng là các khoản công nợ với Tedi South, xuất phát từ tiền thân của Công ty là xí nghiệp Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển trực thuộc Tedi South.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác.  
Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm

VI.13. Vốn chủ sở hữu

(a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
31/12/2004	4.510.000.000	-	-
- Tăng vốn trong năm	3.150.000.000	-	-
- Lãi trong năm	-	-	400.293.704
- Phân phối quỹ KT PL	-	-	-
- Chi cổ tức	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<b>31/12/2005</b>	<b>7.660.000.000</b>	<b>-</b>	<b>400.293.704</b>
- Tăng vốn trong kỳ	17.840.000.000	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	7.201.269.088
- Phân phối quỹ KT PL	-	-	(540.000.000)
- Chi cổ tức	-	-	(3.648.205.100)
- Giảm khác	-	-	(601.050.000)
<b>31/12/2006</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.812.307.692</b>

(b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2006	31/12/2005
- Vốn đầu tư của Nhà Nước	2.300.100.000	2.300.100.000
- Vốn góp của cổ đông khác	23.199.900.000	5.359.900.000
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-
- Cổ phiếu ngân quỹ	-	-
<b>Cộng</b>	<b>25.500.000.000</b>	<b>7.660.000.000</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong năm : không có

Số lượng cổ phiếu quỹ : không có

(c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Năm 2006	Năm 2005
- Vốn góp đầu năm	7.660.000.000	4.510.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	17.840.000.000	3.150.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	25.500.000.000	7.660.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.648.205.100	-

(d) Cổ tức

	Năm 2006 đồng/ cổ phiếu	Năm 2005 đồng/ cổ phiếu
+ Cổ tức tạm tính sau ngày kết thúc niên độ kế toán:	22.000	20.000
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:	22.000	20.000
Cổ phần phát hành đến 31/12/2005	-	20.000 (*)
Cổ phần phát hành đến 31/12/2006	22.000 (**)	-
+ Cổ tức tạm tính trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

(\*) Căn cứ vào quyết định số 30/CKTB-TCKT ngày 17 tháng 01 năm 2006 của Tổng giám đốc công ty về việc chi cổ tức 2005 theo tỷ lệ 20% với tổng giá trị vốn góp của cổ đông sáng lập.

(\*\*) Căn cứ vào quyết định số 1179/CKTB-TCKT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Tổng giám đốc công ty về việc chi cổ tức 2006 theo tỷ lệ 22% với tổng giá trị vốn góp của cổ đông là 25.500.000.000VND.

(e) Cổ phiếu

	Năm 2006	Năm 2005
- Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	255.000	76.600
- Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	255.000	51.455
Cổ phiếu thường	255.000	51.455
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang được lưu hành	-	25.145
Cổ phiếu thường	-	25.145
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ cổ phiếu):	100.000	100.000

(f) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2006	31/12/2005
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-
- Quỹ dự phòng tài chính	160.000.000	-
- Quỹ khác	-	-
<b>Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu</b>	<b>160.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>380.000.000</b>	<b>-</b>

# CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ CẢNG - KỸ THUẬT BIỂN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006**

Tất cả các số liệu đều thể hiện bằng Đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp được ghi chú bằng đơn vị tiền tệ khác. Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính đính kèm.

### VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

VII. 1. Doanh thu	Năm 2006	Năm 2005
<b>Doanh thu bán hàng hoá</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	34.267.387.547	3.323.322.771
	<b>34.267.387.547</b>	<b>3.323.322.771</b>
VII. 4. Giá vốn bán hàng	Năm 2006	Năm 2005
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.736.352.633	1.845.580.290
	<b>18.736.352.633</b>	<b>1.845.580.290</b>
VII. 4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2006	Năm 2005
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.205.689	25.896.586
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.433.825	-
	<b>70.639.514</b>	<b>25.896.586</b>

Trưởng phòng tài chính - Kế toán



**NGÔ NGỌC THU NHAN**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2006

TỔNG GIÁM ĐỐC



**TRẦN TẤN PHÚC**